

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ KIÊN GIANG

(Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

STT	Điều khoản	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
1	Điều 3 Vốn điều lệ	Vốn điều lệ của Công ty: 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng) - Tổng số cổ phần: 10.000.000 cổ phần	Vốn điều lệ của Công ty: 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng) - Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần	Điều chỉnh lại do không thực hiện phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua
2	Khoản 4.2.1 Điều 4 Người đại diện theo pháp luật của Công ty	“Quyết định và ký các giao dịch liên quan đến vay, thế chấp, cầm cố, phát hành trái phiếu.”	Quyết định và ký các giao dịch liên quan đến vay, thế chấp, cầm cố, <u>bảo lãnh</u> , phát hành trái phiếu <u>và các hình thức cấp tín dụng khác.</u>	Bổ sung các hình thức “bảo lãnh” và “các hình thức cấp tín dụng khác” để bao quát và phù hợp với các loại hình giao dịch tại các tổ chức tín dụng.
		Chưa có quy định	Quyết định việc sử dụng, thay đổi người đại diện hợp pháp đứng tên các tài khoản của Công ty, mở mới hoặc đóng các số tài khoản của Công ty giao dịch tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng.	Bổ sung quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến tài khoản của Công ty. Hiện tại điều lệ chưa có quy định cấp có thẩm quyền quyết định việc thay đổi, mở mới, đóng các số tài khoản của Công ty tại ngân hàng, tổ chức tín dụng.
3	Khoản 1 Điều 6 Sổ đăng ký cổ đông	“Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.”	“Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</u> ”	Sửa cụm từ để đồng nhất theo Khoản 1 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020
4	Điểm d Khoản 2 Điều 6 Sổ đăng ký cổ đông	“Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.”	“Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> , quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u> ; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính</u> đối với cổ đông là tổ chức.”	Sửa cụm từ để đồng nhất theo điểm d Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020

5	Điểm c Khoản 2 Điều 7 Quyền của cổ đông	“...Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu và chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;...”	“...Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> , quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u> ; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức</u> ;...”	Sửa cụm từ để đồng nhất theo điểm c Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
6	Khoản 4 Điều 7 Quyền của cổ đông	“Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;...”	“Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u> ; tên, mã số doanh nghiệp <u>hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u> , địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;...”	Sửa cụm từ để đồng nhất theo Khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
7	Điểm a Khoản 1 Điều 14 Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với những người có liên quan	“Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ”	“Cổ đông, <u>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</u> sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ”	Sửa cụm từ để đồng nhất theo Điểm a Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020
8	Khoản 2 Điều 14 Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với những người có liên quan	“Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.”	“Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn <u>35% tổng giá trị tài sản</u> của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất”	Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 chỉ cho phép tỷ lệ cao nhất là 35% hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ
		“...thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.”	“...thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền <u>biểu quyết</u> .”	Sửa lỗi chính tả

9	Điểm e Khoản 2 Điều 15 Đại hội đồng cổ đông	Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty.	Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty <u>(trường hợp này do Hội đồng quản trị quyết định).</u>	Bổ sung nội dung để làm rõ Hội đồng quản trị được quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ trong trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty.
10	Điểm c Khoản 1 Điều 16 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2020	Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>Khoản 2 Điều 115</u> của Luật Doanh nghiệp 2020	Sửa điều khoản trích dẫn để chính xác với Điểm c Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020
11	Khoản 2 Điều 16 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.	Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và các thành viên Hội đồng quản trị</u> phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.	Bổ sung để phù hợp với Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020
12	Khoản 3 Điều 16 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì <u>Ban kiểm soát</u> phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020
13	Khoản 5 Điều 16 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020	Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; <u>danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử</u>	Bổ sung để phù hợp với Điểm đ Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020

			<u>14viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên</u> , xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020	
14	Khoản 3 Điều 17 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông.	<u>Trong trường hợp có sai lệch hoặc có yêu cầu bổ sung thông tin cổ đông, cổ đông gửi yêu cầu bằng văn bản cho Công ty, và Công ty sẽ tiến hành cung cấp, sửa đổi, bổ sung trong vòng ba ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông.</u>	Bổ sung quy định cụ thể về việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin cổ đông
15	Khoản 1 Điều 19 Mời họp Đại hội đồng cổ đông	“...Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.”	“...Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.”	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020
16	Điểm c Khoản 4 Điều 19 Mời họp Đại hội đồng cổ đông	Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.	Bỏ	Khoản 3 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020 không còn quy định tài liệu này đi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông
17	Khoản 1 Điều 20 Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này	Cổ đông, <u>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</u> có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này	Bổ sung theo Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020

18	Khoản 2 Điều 21 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác.	Bỏ cụm từ “nếu Điều lệ công ty không quy định khác”.	Bỏ do Điều lệ công ty không có quy định khác
19	Khoản 3 Điều 21 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác.	Bỏ cụm từ “nếu Điều lệ công ty không quy định khác”.	Bỏ do Điều lệ công ty không có quy định khác
20	Điểm c Khoản 3 Điều 24 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	“Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;”	“Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> , quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u> ; tên, mã số doanh nghiệp <u>hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u> , địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> , quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức</u> ; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;”	Sửa cụm từ để đồng nhất theo Điểm c Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020
21	Điều 26 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	“Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều	“Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản</u>	Sửa điều khoản trích dẫn để chính xác với Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020

		114 của Luật Doanh nghiệp 2020 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:”	2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp 2020 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:”	
22	Điểm h Khoản 2 Điều 27 Hội đồng quản trị	“Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020.”	“Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, <u>tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020.</u> ”	Sửa điều khoản trích dẫn để chính xác với Điểm h Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020
23	Khoản 4 Điều 27 Hội đồng quản trị	“...Trường hợp này, Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.”	“...Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.”	Bỏ cụm từ “Trường hợp này” bị trùng lặp
24	Khoản 2 Điều 31 Cuộc họp Hội đồng quản trị	“Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác dưới hình thức họp trực tiếp hoặc dưới thức họp trực tuyến.”	“Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác dưới hình thức họp trực tiếp hoặc dưới <u>hình thức</u> họp trực tuyến.”	Bổ sung chữ “hình” cho cụm từ “hình thức”
25	Điểm a Khoản 4 Điều 31 Cuộc họp Hội đồng quản trị	“Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;”	“Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u> ”	Sửa đổi theo Điểm a Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020

26	Khoản 5 Điều 31 Cuộc họp Hội đồng quản trị	“Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng khác.”	“Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại <u>khoản 4 Điều này</u> trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng khác.”	Sửa đổi điều khoản trích dẫn chưa chính xác (căn cứ theo Khoản 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020)
27	Khoản 2 Điều 33 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	“Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.”	“Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. <u>Trong phạm vi tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị (bằng thư điện tử hoặc văn bản), người quản lý được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu cho thành viên Hội đồng quản trị đó.</u> ”	Bổ sung nội dung thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị
28	Điểm b Khoản 3 Điều 34 Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	“Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp 2020.”	“Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại <u>điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp 2020.</u> ”	Bổ sung cụ thể điều khoản trích dẫn theo Điểm b Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020
29	Khoản 4 Điều 40 Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát	“Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại	“Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại	Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 173 Luật Doanh nghiệp 2020

		đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.”	đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên <u>có được do vi phạm</u> phải hoàn trả cho Công ty.”	
30	Khoản 2 Điều 44 Thẻ lệ quyết toán, lập quỹ, phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ	“...Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức...”	“...Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> , quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u> ; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức</u> ...”	Sửa đổi theo Điểm b và c Khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2020
31	Khoản 5 Điều 46 Thủ tục giải thể doanh nghiệp	“Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh”	“ <u>Trong thời hạn năm ngày làm việc</u> kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh”	Sửa đổi theo Khoản 7 Điều 208 Luật Doanh nghiệp 2020